

VĂN HÓA - TỪ GÓC NHÌN CỦA XÃ HỘI HỌC

LÊ TIÊU LA

Khi nghiên cứu văn hóa dưới góc độ xã hội học, không thể không đề cập đến mối quan hệ giữa văn hóa và xã hội. Xã hội với tư cách như là hiện thực xã hội mang đặc trưng không chỉ ở tính chất nhóm của mình mà còn ở sự điều hoà hành vi của con người. Nền tảng của sự điều hoà hành vi ấy, chính là tri thức, giá trị - chuẩn mực, qui tắc hành vi, tức là văn hóa của xã hội đó. Theo nghĩa hẹp, xã hội như là một nhóm xã hội rộng lớn và văn hóa như là cách thức điều hoà hành vi con người. Xã hội và văn hóa - đó là mặt thống nhất không tách rời nhau trong khía cạnh tương tác xã hội của con người và hoạt động của họ. Xã hội và văn hóa là hai phạm trù quan trọng của xã hội học. Bởi vì tất cả những hiện tượng, sự kiện và quá trình xã hội được nghiên cứu dưới quan điểm của những phạm trù đó. Không có xã hội loài người ngoài văn hóa cũng như văn hóa không thể hình thành, tồn tại và phát triển ngoài đời sống xã hội. Xã hội là một thể thống nhất với những thuộc tính tương tác xã hội của con người. Nhờ có văn hóa, cơ cấu xã hội hoạt động và được tái sản xuất. Ngược lại, nhờ xã hội, nhờ tính riêng biệt và toàn vẹn của nó, văn hóa được hình thành, được bảo tồn và gìn giữ khỏi sự xói mòn dưới ảnh hưởng tác động của những nhân tố bên ngoài. Chính vì vậy, tính xã hội và tính văn hóa trong hiện thực xã hội tuy không phải đồng nhất nhưng có sự liên hệ qua lại và tương tác chặt chẽ với nhau của đời sống xã hội thống nhất. Dưới lăng kính xã hội học, tìm hiểu văn hóa tức là đi tìm hiểu bản chất, vị trí và vai trò của văn hóa đối với đời sống xã hội của con người.

Khái niệm “văn hóa” mang nội hàm ý nghĩa rất rộng. Trong ý thức thông thường hàng ngày, theo nghĩa hẹp, văn hóa được hiểu như là nghệ thuật và văn học. Theo nghĩa rộng hơn, văn hóa bao hàm cả giáo dục, triết học, khoa học, tôn giáo, đạo đức thuộc về hình thái ý thức xã hội. Khái niệm “văn hóa” xuất phát từ tiếng la tinh - COLERE - sự gieo trồng chế tạo, nuôi dưỡng, giáo dục - là một hiện tượng rộng lớn, phức tạp bao trùm thực tiễn những gì đã được thiết lập và sẽ thiết lập bởi con người, được thừa nhận và đẩy mạnh bởi xã hội. Hiện tượng đó thể hiện trong những hình thức tinh thần, phi vật chất cũng như những hình thức vật chất.

Văn hóa tinh thần - đó là những sản phẩm tinh thần bao gồm tri thức và tư tưởng, những - giá trị - chuẩn mực, những mẫu hành vi, hình ảnh, hình tượng và nghi lễ, phong tục truyền thống, v.v...

Văn hóa vật chất - đó là sản phẩm vật chất bao gồm những công trình được thiết kế, xây dựng, những thiết bị, công cụ lao động, kỹ thuật và công nghệ, v.v... tức

là tất cả những gì mà trong đó tri thức, kỹ năng và tín ngưỡng của con người được vật chất hóa. Hệ thống văn hóa xã hội bao gồm 3 yếu tố cấu trúc cơ bản:

- a. Những tri thức, tư tưởng, quan niệm, tín ngưỡng, v.v... được đúc rút từ kinh nghiệm của con người và được định hình trong ngôn ngữ.
- b. Những giá trị, chuẩn mực, mục đích và lý tưởng.
- c. Những truyền thống, phong tục tập quán.

Mặc dù khái niệm văn hóa mang nội hàm ý nghĩa rất rộng nhưng vẫn có những ranh giới giữa tính tự nhiên, tính xã hội và tính văn hóa. Thứ nhất "tính văn hóa" không phải là "tính tự nhiên". "Tính tự nhiên" xuất hiện và tồn tại không phụ thuộc vào con người (mặc dù con người sử dụng cả những khách thể tự nhiên, những lực lượng phù hợp với những nhu cầu và quyền lợi của họ). Thứ hai, trong mối liên hệ qua lại hữu cơ chặt chẽ giữa xã hội và văn hóa, cần phải phân định giữa tính xã hội và tính văn hóa. "Tính xã hội" thể hiện trước tiên là hình thức và cơ cấu những quan hệ xã hội của con người trong đời sống nhóm xã hội và hoạt động của họ, còn "tính văn hóa" là nội dung ý nghĩa mang tính giá trị của những quan hệ này. Trên cơ sở của sự phân định đó, có thể đưa ra định nghĩa khoa học mang tính đặc thù khi xem xét đối tượng của văn hóa trong xã hội học. Thứ ba, tính văn hóa không phải là tính cá thể. Nó gắn liền với "tính xã hội" ở khía cạnh tương tác xã hội giữa con người với con người.

Không phải ngẫu nhiên, trung tâm của nghiên cứu xã hội học là cá nhân như là một cá thể được xã hội hóa - một cá thể thuộc một nền văn hóa nhất định.

Hướng tiếp cận xã hội học tới văn hóa, trước tiên trực tiếp gắn liền với sự làm rõ vị trí, vai trò của nó trong sự điều hòa hành vi của con người và của những nhóm xã hội, trong sự hoạt động và phát triển xã hội nói chung, tức là với sự xác định nội dung tiêu chuẩn giá trị của văn hóa.

Hướng tiếp cận xã hội học đòi hỏi làm rõ vị trí, vai trò của văn hóa trong sự điều hòa hành vi của con người, của những nhóm xã hội, trong sự hoạt động và phát triển xã hội nói chung.

Dưới góc độ xã hội học, văn hóa được xem xét trên một số khía cạnh sau:

- Văn hóa là hệ thống gồm những giá trị, chuẩn mực, biểu trưng và ý nghĩa.
- Văn hóa là cơ sở, nội dung của xã hội hóa cá nhân, nghĩa là khách thể của sự lĩnh hội con người trong quá trình hoạt động của họ.

Văn hóa thu hút xã hội học ở 3 bình diện chính:

1. Văn hóa được xem như là hệ thống những giá trị, chuẩn mực, biểu trưng và ý nghĩa.
2. Văn hóa như là cơ sở của xã hội hóa cá nhân, tức là khách thể của sự lĩnh hội con người trong quá trình hoạt động của mình.

3. Văn hóa là những gì được con người tạo ra, lưu giữ, bảo tồn và truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Phần văn hóa vật chất và tinh thần do những thế hệ trước tạo lập được truyền lại cho những thế hệ sau và được họ tiếp nhận và lĩnh hội, kế thừa và phát triển được gọi là *di sản văn hóa*. Không phải tất cả nền văn hóa quá khứ đều là di sản văn hóa, mà chỉ là những phần của nó được công nhận có ý nghĩa và bổ ích đối với những thế hệ đương thời và được sử dụng bởi thế hệ đó. Khác biệt với di sản văn hóa, phạm trù “lối sống” phản ánh không phải quá khứ mà là hiện tại của văn hóa, trước tiên là những giá trị - chuẩn mực và ý nghĩa mang tính hoạt động thực tiễn.

Theo M. Weber, văn hóa là tập hợp những khuôn mẫu hành vi, sự định hướng giá trị được con người tiếp thu từ sớm, quy định điều chỉnh sự giao tiếp giữa con người với nhau tạo ra cho con người sự an toàn trong thái độ và hành động của mình.

Như vậy, *văn hóa xã hội* là hệ thống những giá trị chuẩn mực, quy tắc hành vi, quan niệm, tư tưởng, tín ngưỡng và truyền thống có ý nghĩa xã hội chung cho mọi người và được gắn liền bởi mẫu hình nhất định, được trau dồi mang tính xã hội, được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, thực hiện việc điều chỉnh kinh nghiệm và điều hoà xã hội trong mỗi nhóm xã hội hay xã hội nói chung.

Nếu như nói về văn hóa không phải của toàn xã hội mà là 1 phần của xã hội thì thường sử dụng khái niệm “tiểu văn hóa”. Đó có thể là văn hóa của một nhóm xã hội nào đó hoặc của cộng đồng nào đó (ví dụ: giai cấp, dân tộc, v.v...). Trong từng xã hội riêng lẻ, trừ những cái chung cho tất cả hay phần lớn văn hóa chủ chốt, đã và đang tồn tại hàng chục tiểu văn hóa. Cộng đồng các dân tộc Việt nam, các tôn giáo, đảng phái, giai cấp, tầng lớp là minh chứng cụ thể cho các tiểu văn hóa trong cộng đồng ấy. Một trong những biến thể của tiểu văn hóa là văn hóa phụ của những nhóm xã hội phản xã hội (như: mafia, tội phạm...) mà chống đối lại nền văn hóa chủ đạo của xã hội nói chung.

Một trong những yếu tố quan trọng của văn hóa xã hội là những giá trị và chuẩn mực xã hội. Tính điều chỉnh những liên hệ xã hội và tương tác xã hội đặc trưng cho một xã hội có tổ chức, trước tiên, được xác định bởi sự tồn tại những giá trị và chuẩn mực xã hội được xã hội thừa nhận.

Những giá trị xã hội là sản phẩm của sự tương tác xã hội của con người và của những nhóm xã hội mà trong quá trình tương tác đó, tìm thấy khả năng của hiện tượng hay quá trình xã hội này hoặc hiện tượng và quá trình xã hội khác nhằm thoả mãn những nhu cầu quyền lợi, mong muốn của cá nhân, của một nhóm xã hội hay xã hội nói chung và diễn ra sự đánh giá xã hội. Chính những giá trị này cho phép mỗi thành viên xã hội hiểu và lĩnh hội được cái gì trong đó được công nhận là điều thiện, còn cái gì là điều ác, những nét hành vi cá nhân nào được tiếp nhận, được tán đồng và những nét nào đang còn phải tranh luận; trong điều gì là hạnh phúc và ý nghĩa của cuộc sống, v.v... Hành vi của con người trong xã hội, trong nhóm xã hội hay cộng đồng được xác định trước tiên bởi sự định hướng của họ tới những giá trị nhất định.

Tất nhiên, không phải tất cả mọi người trong một xã hội chia sẻ, hiểu biết như nhau về những giá trị, những nguyên tắc của cái thiện, sự bình đẳng, công bằng, tự do, tình huynh đệ, v.v.. Một số người theo chủ nghĩa tập thể, còn một số người khác theo chủ nghĩa cá nhân. Đối với người này điều cơ bản trong cuộc sống là đường công danh, nhưng đối với người khác lại là tài sản, hay là sự trung thực và sự lương thiện, v.v... Định hướng giá trị của các cá nhân trong xã hội có thể là thường không chỉ khác nhau mà còn đối lập nhau. Nhưng điều này không có nghĩa là ở xã hội (hay ở nhóm xã hội) sẽ không thể có những giá trị xã hội chung mà xã hội đó đưa ra, khẳng định và bảo vệ. Những giá trị là vốn có của xã hội hay nhóm xã hội, còn những định hướng giá trị - là của cá nhân.

Những giá trị xã hội là những chuẩn hành vi được xã hội thừa nhận. Đó là những quan niệm được phân chia bởi xã hội hay nhóm xã hội theo những mục đích cần phải đạt được và những cách thức, phương tiện cơ bản để đạt được những mục đích đó. Nói cách khác, những giá trị xã hội trả lời câu hỏi hướng tới điều đã có và hướng tới điều sẽ có thể có như thế nào.

M. Weber đã đưa phạm trù “những giá trị xã hội” vào xã hội học. Sau đó T.Parsons và những nhà theo thuyết cơ cấu chức năng khác đã bắt đầu xem xét sự thống nhất của những giá trị xã hội như là nguyên tắc quan trọng nhất mà nhờ đó sự nhất trí xã hội và trật tự xã hội được thực hiện. Những giá trị xã hội là nhân tố cơ bản của sự điều chỉnh xã hội, xác định hướng chiến lược nói chung của hoạt động con người. Mỗi một hình thái xã hội, hay nói cụ thể hơn là mỗi một kiểu xã hội đều qui định những giá trị xã hội nhất định. Trong xã hội dân chủ, những giá trị quan trọng nhất thường là hoà bình, tự do, bình đẳng và tình đoàn kết, danh dự và phẩm giá, sự công bằng xã hội, tình hữu nghị, nghĩa vụ công dân, phúc lợi vật chất, tinh thần... Chúng ta thường nói: cuộc sống, sức khoẻ của con người - là giá trị quan trọng nhất. Lòng yêu nước, yêu lao động, sự trung thực, sự ly thiện, có trí thức, tinh thần quốc tế chủ nghĩa, v.v... có giá trị cao. Trong hệ thống điều chỉnh xã hội, để đạt được các giá trị ấy, đảm bảo xã hội trật tự thống nhất không rối loạn, cần thiết phải có những chuẩn mực xã hội.

Chuẩn mực xã hội bắt nguồn và dựa trên những giá trị xã hội. Những chuẩn mực xã hội không phải trả lời cho câu hỏi về mối quan hệ tới những hiện tượng và quá trình của hoạt động xã hội mà là trả lời cho câu hỏi làm thế nào với những quan hệ ấy. Nếu như những giá trị xã hội xác định sự điều chỉnh có tính chiến lược chung của những hành vi con người thì những chuẩn mực xã hội là những phương châm cụ thể trong mối quan hệ của hành vi đó. Chuẩn mực xã hội chính là những mẫu hình của hành vi xác định ranh giới của hành vi cho phép và không được phép tới từng điều kiện cụ thể của hoạt động con người. Chuẩn mực xã hội - đó là những quy tắc của hành vi, những mong đợi và những tiêu chuẩn điều khiển hành vi của con người, của đời sống xã hội trong sự phù hợp với những giá trị của một nền văn hóa nhất định và củng cố ổn định và toàn vẹn của xã hội.

Tính lặp lại, sự bền vững và tính thường xuyên của những tương tác xã hội

nhất định trong xã hội đã gọi nên nhu cầu củng cố những quy tắc, những chuẩn mực chung, qui định hoạt động của con người một cách thống nhất và những mối quan hệ giữa họ trong các tình huống phù hợp. Nhờ chuẩn mực xã hội, những chủ thể của tương tác xã hội đã có khả năng xây dựng mô hình hành vi riêng phù hợp với qui tắc xã hội và có thể kiểm soát và đánh giá hành vi của những người khác. Sự tuân theo các chuẩn mực xã hội được bảo đảm trong xã hội bằng cách áp dụng những sự khuyến khích xã hội và những trừng phạt xã hội như là yếu tố cụ thể, trực tiếp trong cơ cấu điều chỉnh xã hội. Những chuẩn mực xã hội được phân loại dựa trên những tiêu chí khác nhau. Đặc biệt quan trọng đối với điều chỉnh chuẩn mực giá trị của đời sống xã hội là sự phân loại: những chuẩn mực luật pháp và những chuẩn mực đạo đức. Những chuẩn mực luật pháp được thể hiện trong hình thức pháp luật bao gồm những văn bản Nhà nước hoặc những văn bản hành chính, mang tính rõ ràng, xác định những điều kiện áp dụng nó và được phê chuẩn, thực hiện bởi những tổ chức phù hợp. Sự tuân theo những chuẩn mực đạo đức được bảo đảm bằng sức mạnh của dư luận xã hội, nghĩa vụ đạo đức của cá nhân. Văn hóa quy định những chuẩn mực của hành vi hợp pháp được gọi là văn hóa chuẩn mực. Những chuẩn mực xã hội không chỉ dựa trên những chuẩn mực đạo đức và pháp luật mà còn dựa trên những phong tục tập quán mang tính truyền thống.

Chính văn hóa tổ chức cuộc sống con người, làm nảy sinh tình cảm thống nhất, sự đồng nhất của các thành viên xã hội hay nhóm xã hội. Vai trò của văn hóa được thể hiện nổi bật trong sự gìn giữ sự toàn vẹn, tính ổn định và tính dự báo của đời sống xã hội. M. Weber trong tác phẩm nổi tiếng của mình “Đạo đức tin lành và tinh thần của chủ nghĩa tư bản” đã biện giải vai trò quyết định của những chuẩn mực văn hóa được thể hiện ở đạo tin lành (Chủ nghĩa duy lý, lòng yêu lao động, sự cố gắng đạt thành công, tìm kiếm lợi nhuận, chủ nghĩa cấm dục, v.v...) trong quá trình hình thành chủ nghĩa tư bản.

Trong lịch sử tư tưởng xã hội học và tư tưởng triết học xã hội đã xuất hiện 2 khuynh hướng chung nhất và chủ đạo cho sự xác định vị trí và vai trò của văn hóa trong đời sống xã hội: duy vật và duy tâm. Cả hai đều không phủ nhận ý nghĩa quan trọng của văn hóa trong sự phát triển xã hội. Vai trò xã hội của văn hóa được thể hiện trong 3 khía cạnh chính:

Thứ nhất, văn hóa là nền tảng và nhân tố quyết định biến cá thể thành cá nhân, chuẩn bị cho cá thể tham gia vào đời sống xã hội. Đó chính là quá trình xã hội hóa cá thể. Vai trò này được xác định bởi văn hóa như là bình chứa các “nguyên vật liệu”, các khuôn mẫu hành vi đã được tích lũy và truyền bá kinh nghiệm xã hội tới cá nhân.

Thứ hai, văn hóa là huyết mạch nuôi dưỡng sự thống nhất, toàn vẹn của mối quan hệ giữa con người và xã hội. Văn hóa đảm bảo sự thống nhất trong tính đa dạng, phong phú của các giá trị, chuẩn mực, ý nghĩa, tư tưởng và tín ngưỡng của tất cả các thành viên xã hội nhất định. Nền văn hóa phù hợp là sức mạnh hội nhập quan trọng, xác định tính ổn định, tính bền vững của toàn thể hệ thống xã

hội. Sự tồn tại của những tiểu văn hóa đa dạng trong hệ thống văn hóa của xã hội không phá vỡ sự thống nhất và chức năng của văn hóa. Theo phép biện chứng của cái chung và cái riêng, văn hóa chứa đựng, bao hàm “sự thống nhất trong tính đa dạng” của các kinh nghiệm lịch sử xã hội.

Thứ ba, văn hóa là nền tảng quan trọng nhất, nhân tố tổ chức, điều chỉnh và mô hình hóa đời sống xã hội. Chức năng này của văn hóa gắn liền với thành phần cấu thành cơ bản của nó là những giá trị và chuẩn mực xã hội. Văn hóa xác định phạm vi hoạt động, nội dung và phong cách sống, những định hướng trong sự phát triển của con người.

Đặc biệt, vai trò của văn hóa thường được thể hiện rõ nét, nổi trội trong những thời kỳ quá độ của sự phát triển xã hội. Khi xã hội trải qua những giai đoạn phát triển bình thường, tương đối êm đềm thì vai trò của văn hóa không được chú ý, nhấn mạnh, dường như không nhận thấy. Bởi vì, văn hóa đã thấm sâu rộng vào những mối quan hệ xã hội của con người. Nhưng khi xã hội rời rạc, tình thế khủng hoảng mà thường gắn với trạng thái quá độ của nó, lập tức ý nghĩa quan trọng và vai trò không gì thay thế nổi của văn hóa đối với tất cả đời sống xã hội được thể hiện rõ nét. Lý thuyết phi qui tắc của E. Durkheim cho đến nay vẫn còn nguyên giá trị của nó khi bàn về “sự rối loạn xã hội” trong điều kiện xã hội chuyển đổi từ trạng thái này sang trạng thái khác. Trạng thái khủng hoảng xã hội được ước định có lẽ không chỉ bởi khủng hoảng của nền sản xuất công nghiệp và nông nghiệp mà còn bởi khủng hoảng tinh thần khi hệ thống giá trị - chuẩn mực của tình trạng xã hội cũ đã bị huỷ hoại phần lớn, còn hệ thống giá trị - chuẩn mực mới thì hầu như chưa được thiết lập, vắng bóng giá trị - chuẩn mực chung. Thoát khỏi trạng thái khủng hoảng ấy, không chỉ tập trung giải quyết những vấn đề kinh tế mà cần thiết phải chú đến vai trò của văn hóa.

Trong sự nghiệp đổi mới hiện nay, Đảng ta đã chỉ rõ “... tăng trưởng kinh tế đi liền với phát triển văn hóa” (Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX. Nxb Chính trị Quốc gia - 2001, tr. 89.), đã xác định hoạt động tăng trưởng kinh tế phải bắt nguồn và xuất phát từ động cơ mục đích của văn hóa, do con người và vì con người. Văn hóa phải trở thành nguồn lực, động lực thúc đẩy hoạt động kinh tế phát triển bền vững. Điều đó càng được thể hiện rõ nét đối với việc xây dựng chính sách văn hóa trong kinh tế mà Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 5 khóa VIII của Đảng đã đề cập. Tính đến sự phát triển bền vững không thể không tính đến vai trò của văn hóa.